

Luật tục trong quản lý xã hội cấp cơ sở ở Việt Nam hiện nay

Ngày nhận bài: 24/02/2022 | Ngày phản biện: 24/02/2022 | Ngày xuất bản: 28/03/2022

Tác giả: Cao Thị Dung (Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Tóm tắt: (LLCT&TT) Việt Nam có 54 dân tộc anh em, mỗi dân tộc có ngôn ngữ, lối sống và văn hoá riêng. Dù đa dạng và không giống nhau nhưng các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam có một nét chung là mỗi cộng đồng đều có hệ thống luật tục điều chỉnh các mối quan hệ xã hội. Để quản lý các quá trình xã hội cũng như hành vi của con người ở cấp cơ sở, người ta sử dụng nhiều cách thức, phương tiện khác nhau, trong đó việc vận dụng các luật tục có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo hiệu quả quản lý cấp cơ sở.

Luật tục là tập tục, phong tục tập quán của một cộng đồng, được hình thành tự phát và được các thành viên trong cộng đồng chấp nhận, tuân theo trong quan hệ với nhau. Luật tục thể hiện bao quát, phong phú các mối quan hệ xã hội truyền thống, ít thay đổi và hiện nay vẫn giữ một vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, kể cả ở nhiều nước phát triển.

“Luật tục là một hình thức của tri thức bản địa, được hình thành trong lịch sử lâu dài qua kinh nghiệm ứng xử với môi trường và xã hội, được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và truyền từ đời này qua đời khác bằng trí nhớ qua thực hành sản xuất và thực hành xã hội. Nó hướng đến việc hướng dẫn quan hệ xã hội, quan hệ con người với thiên nhiên. Những chuẩn mực ấy của cả cộng đồng thừa nhận và thực hiện, nhờ đó đã tạo ra sự thống nhất và cân bằng trong mỗi cộng đồng”⁽¹⁾.

Luật tục thể hiện các hệ thống giá trị và niềm tin của mỗi cộng đồng và quy định các hoạt động trong các lĩnh vực của cuộc sống, bao gồm các nghi thức cưới xin, ma chay, các nghi thức cúng lễ, các cách giải quyết mâu thuẫn hay xung đột. Luật tục dựa nhiều trên sự tự giác, tự nguyện của mỗi thành viên trong cộng đồng và chứa đựng bản sắc văn hoá độc đáo của mỗi tộc người.

1. Vai trò của luật tục trong việc góp phần duy trì, ổn định trật tự xã hội cấp cơ sở

Luật tục, ở một góc độ nhất định cũng có vai trò, giá trị xã hội quan trọng: đó là điều chỉnh các quan hệ xã hội, duy trì và ổn định một trật tự xã hội của cộng đồng. Luật tục có tính quy phạm và cưỡng chế cao nhưng lại mang tính tự nguyện và răn đe nhiều hơn là trừng phạt, nên nó có thể đóng vai trò

bổ sung cho hệ thống pháp luật trong quản lý ở đơn vị hành chính nhỏ nhất – cấp xã, đặc biệt khi các quy định của pháp luật đôi khi là phức tạp và không gần gũi với các cộng đồng dân tộc thiểu số.

Thứ nhất, về nội dung luật tục các dân tộc thiểu số thể hiện tính nhân văn, tinh thần đoàn kết, cộng đồng dân tộc rất cao. Tuỳ theo từng dân tộc, nội dung của các luật tục thường quy định các vấn đề liên quan đến điều chỉnh các mối quan hệ gia đình như: quan hệ vợ chồng, con cái, cha mẹ, ông bà, anh chị em. Con cái phải thương yêu, kính trọng, phụng dưỡng ông bà, cha mẹ; anh chị em phải thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Hầu hết các luật tục đều khuyên dạy vợ chồng phải yêu thương quý trọng lẫn nhau, sống với nhau thủy chung “Đã lấy vợ thì phải ở với vợ cho đến chết, đã cầm cần mồi rượu thì phải vào cuộc cho đến khi rượu nhạt, đã đánh công thì phải đánh cho đến khi người ta giữ tay lại” (luật tục Êđê). Các quy định của luật tục các dân tộc thiểu số góp phần điều hoà các mối quan hệ xã hội trong buôn, làng, thôn, xóm, quan hệ giữa các dòng họ, giữ gìn trật tự an ninh, phòng chống các tệ nạn xã hội (trộm cắp, nghiện ngập, ngoại tình,...); bình vực và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người phụ nữ và trẻ em,...

Thứ hai, ở một khía cạnh nhất định việc áp dụng luật tục sẽ vừa phần nào đảm bảo thỏa mãn được yêu cầu trân trọng sự đa dạng văn hóa và tri thức bản địa của từng tộc người. Trên thực tế, luật tục vẫn được sử dụng ở nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số. Một nghiên cứu với 90 phụ nữ Ê Đê cho thấy có đến 55 người hiểu rõ về luật tục, đặc biệt là các quy định liên quan đến hôn nhân gia đình. Ngay cả ở những nơi mà người Ê Đê và người Kinh sống xen kẽ nhau thì hầu hết các bất hòa hay phân chia tài sản trong gia đình đều được giải quyết bằng luật tục.

Hầu hết phụ nữ trong nghiên cứu đều cho là người Ê Đê nên sử dụng luật tục để phân xử⁽²⁾.

Thứ ba, luật tục các dân tộc thiểu số góp phần bảo vệ thuần phong mỹ tục, bảo vệ các nguồn lợi từ thiên nhiên (bảo vệ rừng lâu năm, rừng đầu nguồn, rừng thiêng, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ nguồn tôm cá, cấm đánh bắt, săn bắn bừa bãi,...). Chẳng hạn ở vùng đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, vì coi rừng là nguồn tài sản vô giá của buôn làng, rừng có quan hệ mật thiết với cộng đồng dân cư, luật tục quy định rõ tầm quan trọng của bảo vệ rừng, tôn trọng các quy tắc của cộng đồng về xác lập chủ quyền đối với rừng và đất rừng của từng gia đình, dòng họ.

Luật tục Ê Đê có đoạn “... Cây le đang đâm chồi thế mà họ chặt mất ngọn, cây lồ ô đang đâm chồi thế mà họ chặt mất đọt. Nếu người ta bắt được họ đem cho người tù trưởng nhà giàu thì chân họ tất phải trói lại ngay, tay của họ tất phải xiềng lại ngay. Cả rừng le bị cháy khô, cả rừng lồ ô bị cháy trụi, hang thỏ, hang chồn đều bị thiêu trụi tất cả. Vì vậy có chuyện nghiêm trọng cần phải xét xử họ”. Luật tục người Mường quy định về thu hái măng nói rõ: “Bắt đầu từ khi các loại măng tre, bương, luồng, nứa,... mọc cho đến trước ngày 20 tháng 6 âm lịch hàng năm (mùa măng mọc bắt đầu từ mùa xuân; từ mùa xuân cho đến gần hết tháng 6 âm lịch là thời gian thuận lợi để măng phát triển thành cây; từ tháng 7 âm lịch trở đi, mặc dù măng vẫn mọc nhiều nhưng do thời tiết thường nhiều mưa, dễ phát sinh sâu bệnh; thêm vào đó là các trận bão dễ làm măng bị bẻ gãy, măng khó có thể phát triển thành cây), bắt

luyện là ai cũng không được bẻ măng trong rừng hay trong các gò bương tre,... trong vườn do chính tay mình trồng. Ai vi phạm dù là con trẻ hay người lớn (kể cả các gia đình thả rông gia súc vào rừng giẫm đạp làm đổ gãy măng) nếu bị phát hiện thì gia đình đó phải nộp phạt cho Mường 1 con lợn cái (lợn nái đã đẻ)".

Việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản dưới sông, suối ở vùng người Mường được người dân quy định thành lệ tục. Trên các con sông, suối được chọn ngăn từng khúc, từng khoang, có những khúc sông, suối ngày thường không ai được phép đánh bắt cá đó là những khúc sông suối có các đặc điểm: một nửa nước sâu còn một nửa dòng nước chảy vừa phải, có bãi cát ngầm thoải hay nhiều hang hốc đá ngầm, rất thuận lợi, an toàn cho các loại cá sinh đẻ và trốn tránh kẻ thù, là nơi để cung cấp giống bền vững cho sự tái tạo, phát triển lâu dài của các loài. Việc cấm đánh cá, bảo vệ những khúc sông, suối đó được thần thánh, tâm linh hoá; do đó, ngoài việc sợ bị phạt, dân Mường còn sợ làm kinh động đến các vị thần linh (rồng, thường luồng,...) nên trong các gia đình, họ tộc Mường, người già bảo người trẻ, ông bà, cha mẹ dặn dò con cháu, mọi người đều chấp hành rất nghiêm chỉnh. Hay ở vùng đồng bào Chăm, để giữ gìn đập nước và phân phối nước, đồng bào cất cử cai đập - đó là người trực tiếp thay mặt nhân dân điều hành hệ thống thủy lợi theo quy định của luật tục...

Thứ tư, cách xử lý các vi phạm của luật tục thể hiện tính dân chủ cộng đồng và tính quần chúng. Từ việc hình thành và điều chỉnh các quy định cho đến việc thi hành; bao gồm việc bàn luận công khai dân chủ trong cộng đồng về các vụ việc cùng thống nhất nhận định, kết luận về mức độ và tính chất của lỗi lầm, sai phạm; đến việc đưa ra các mức xử phạt và cuối cùng là theo dõi giúp đỡ sửa chữa, tránh tái phạm và thi hành các quy định của toàn thể cộng đồng. Các điều phạt mang tính chất giáo dục răn đe, ngăn chặn, đề phòng. Những điều răn dạy mọi người không nên làm những việc xấu, không làm những điều ác, không trộm cắp, không loạn luân, không uống rượu say, không đánh đập vợ con...; lấy việc khoan dung, hoà giải làm trọng. Luật tục thể hiện tinh thần trách nhiệm chung của cộng đồng đối với lỗi lầm. Thông thường, trong các luật tục, việc xét xử các tội lỗi phải thực hiện qua các bước từ gia đình, dòng họ rồi mới đến buôn, làng, thôn, bản. Qua cách xử lý như vậy, mọi thành viên từ già tới trẻ được giáo dục ý thức trách nhiệm, tinh thần xây dựng, sự hy sinh những tham vọng cá nhân vì lợi ích chung của gia đình, dòng họ, cộng đồng làng bản.

2. Một số hạn chế của luật tục cần lưu ý trong quản lý cấp cơ sở

Bên cạnh những yếu tố tích cực mang tính văn hoá, nhân văn như đã đề cập ở trên; luật tục còn bảo lưu nhiều yếu tố lạc hậu, lỗi thời có ảnh hưởng xấu đến vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội trong cộng đồng các dân tộc.

Thứ nhất, luật tục với các hình thức xét xử thiếu căn cứ khoa học, không thống nhất với quy định của luật pháp. Chẳng hạn, người Chăm hoặc người Raglai ở Khánh Hòa khi có tranh chấp hay xung đột, nếu không hòa giải được bằng trao đổi thì sẽ sử dụng các phép thử để phân định người nào mắc tội. Các phép thử như đốt thanh chì xem thanh chì chảy về phía ai thì người đó là người có tội, hay hai

người có mâu thuẫn phải nhúng tay vào nồi nước sôi, ai bị bỏng tay là người có tội (người Raglai) hay thi lặn và ai ngoi lên trước là người phạm tội.

Thứ hai, một số quy định trong luật tục của các dân tộc thể hiện tính bất bình đẳng đối với người phụ nữ. Luật tục có những quy tắc xử phạt người phụ nữ rất nặng (đối với tội ngoại tình, loạn luân hay quan hệ tình dục trước hôn nhân), như dân tộc Ê Đê có quy định: nếu người phụ nữ có thai trước khi cưới sẽ bị phạt heo và rượu để cả buôn làng cùng uống,... Nhiều dân tộc quan niệm người phụ nữ thường gắn với những gì không sạch sẽ, vì vậy, luật tục quy định người phụ nữ đến kỳ sinh đẻ phải đẻ ở ngoài rừng (ngoài chòi canh của gia đình), phải một mình tự xoay sở; trong vòng 10-15 ngày người chồng ở cùng người vợ và không được đặt chân lên nhà ai, kể cả nhà mình. Hết thời gian đó, hai vợ chồng nấu nước nóng, bỏ lá thơm, đổ lên một hòn đá to và xông hơi đó rồi mới được về nhà,... Vì vậy, nhiều trường hợp người phụ nữ bị chết do sinh đẻ, tỷ lệ phụ nữ – trẻ em ở những vùng này mắc bệnh cao.

Luật tục của người K'Ho và người Chu Ru quy định, một phụ nữ có chồng không may bị chết trước thì họ phải đứng ra sắm sửa lễ vật mang đến nhà trai xin được xây mộ cho chồng, xây xong mộ, họ phải làm thịt một con trâu và cơm rượu để mời họ hàng nhà trai ăn uống (tục Pơthi Shakơtinh – hay “trả nợ xương cốt”). Nếu do điều kiện kinh tế khó khăn mà người phụ nữ không hoàn thành được nghĩa vụ của mình thì con gái của người vợ góa bụa ấy phải tiếp tục thay mẹ “pơthi” cho cha và “sakơtinh” cho họ hàng bên nội. Nếu người con gái mồ côi ấy chưa có khả năng thực hiện nghĩa vụ nặng nề này thì lại tiếp tục truyền lại gánh nặng cho con, cháu, chắt gái của mình. Đối với những cô gái còn trẻ, không may chồng chết sớm thì họ cũng phải trả xong “món nợ xương cốt” rồi mới được đi lấy chồng khác.

Người K'Ho cho rằng, lễ cưới có thể qua loa, đơn giản và có thể cho “nợ”, nhưng “ăn xương” thì phải thật chu toàn đúng như sự quy định của luật tục để linh hồn người chết được bình yên ở thế giới bên kia và không trách cứ hay quấy nhiễu người sống nữa. Trên thực tế, Pơthi Shakơtinh đã trở thành gánh nặng đè lên vai của người quả phụ, thậm chí còn trở thành gánh nặng cho nhiều thế hệ con cháu nếu chưa hoàn thành nghĩa vụ nặng nề này. Đây là một trong số những luật tục mà các quy định của nó không phù hợp, cần phải được loại bỏ ra khỏi đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Thứ ba, luật tục với các yếu tố lạc hậu, ảnh hưởng xấu tới đời sống văn hóa, xã hội. Chẳng hạn như tục nối dây (chun nuê của người Ê Đê hay mã kơ mai của người Chăm Roi) là một luật tục tồn tại từ rất lâu trong hôn nhân của đồng bào. Luật tục này quy định khi người vợ qua đời, người chồng muốn tái hôn buộc phải lấy một người con gái trong gia đình vợ (có thể là người em gái vợ còn rất nhỏ tuổi hay người chị vợ già hơn rất nhiều, miễn là người đó chưa có chồng). Nếu không còn người nối dây thì người chồng phải về lại nhà mẹ đẻ với hai bàn tay trắng.

Ngược lại, nếu người chồng chết mà gia đình chồng không muốn mất của cải cũng phải đưa người (anh trai hay em trai chưa có vợ của người chồng đã chết) sang nhà người vợ để thực hiện tục nối

dây. Đồng bào quan niệm: “Rằm sà gãy thì phải thay, giá sà nát thì phải thế, chết người này thì phải nối bằng người khác” (luật tục Ê Đê). Việc chấp nhận làm vợ hoặc làm chồng được thực hiện một cách tự nguyện, trên tinh thần do hai bên gia đình bàn bạc thống nhất (trong hoặc sau đám tang), không ép buộc. Nếu không thể nối dây tiếp được thì xem như người còn lại trở thành độc thân, có quyền tiếp tục cuộc hôn nhân khác mà không phải ràng buộc gì với con cái của mình.

Những đứa trẻ mồ côi sau khi mẹ chết, không có người nối dây, người cha cũng bỏ về nhà mẹ đẻ và đi lấy vợ khác sẽ không còn nơi nương tựa, bị bỏ rơi hoặc là phải sống phụ thuộc vào sự chăm sóc của ông bà ngoại tuổi đã cao, sức đã yếu, không còn khả năng lao động. Hay trong luật tục của người Gia Rai lại cho phép người đàn bà có chồng chết được quyền lấy cháu ruột của người chồng đó (do quan niệm làm như vậy để tạo nên mối quan hệ bền chặt trong dòng họ). Tuy nhiên, trên thực tế luật tục này đã khiến cho nhiều người phụ nữ rơi vào tình trạng bất hạnh, khổ sở vì sự chênh lệch tuổi tác (vợ già chồng trẻ).

Thứ tư, luật tục của một số dân tộc có các quy định điều chỉnh mối quan hệ giữa phụ nữ và nam giới trong gia đình và ngoài xã hội chưa hợp lý. Có những luật tục quy định những ưu tiên cho người nam, ví dụ luật của người Thái Mường quy định nếu một người con gái đang yêu một người nam mà muốn bỏ anh ta để yêu một người khác thì phải đền danh dự cho người yêu cũ, tìm cho anh ta người yêu mới và phải tạ tội với gia đình anh ta nếu gia đình hai bên đã biết về mối quan hệ của hai người. Nếu không tạ tội, không chỉ cô gái mà cả gia đình còn bị khinh bỉ, xa lánh. Ngược lại, đối với dân tộc Ê Đê ở Tây Nguyên thì tiếng nói của phụ nữ lại vô cùng quan trọng. Trong các tranh chấp, nhất là những vụ kiện không có chứng cứ rõ ràng như khi phụ nữ bị ruồng bỏ, hay phân chia tài sản thì những gì phụ nữ khai đều được coi là đúng sự thực.

Việc phát huy những yếu tố tích cực, loại bỏ những hủ tục của luật tục truyền thống trong cộng đồng các dân tộc thiểu số là công việc có ý nghĩa quan trọng để có thể hình thành, củng cố các thôn, làng, bản, ấp... thuộc đơn vị hành chính cấp cơ sở. Luật tục mang tính phổ biến trong phạm vi một tộc người nhất định và có thể thay đổi cho phù hợp với bối cảnh. Do đó, luật tục có khả năng song hành với luật pháp để cùng hướng tới mục đích công bằng và trật tự xã hội./.

Tài liệu tham khảo

(1) Luật tục với thi hành pháp luật, Nguyễn Chí Dũng, Bài viết đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 52, tháng 5.2005 tải về từ http://www.nclp.org.vn/nha_nuoc_ya_phapj.uat/luat-tuc-voi-thi-hanh-phap-luat-1/#ref1 ngày 5.8.2010.

(2) Thu Nhung Mlô (2000), **“Luật tục với phụ nữ Ê Đê xưa và nay”, tham luận trong Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam**, Viện Nghiên cứu văn hóa dân gian, Nxb.CTQG.